

B. Công cụ làm từ hợp kim Vàng-Đồng

C. Số lượng công cụ đồng thau tăng lên đáng kể

D. Hoàn toàn dùng công cụ bằng đá

Bài 2. Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý A, B, C, D.

“Thị tộc thực chất là một tổ chức xã hội gồm khoảng vài chục gia đình, với 3 – 4 thế hệ có cùng huyết tộc với nhau. Nhiều thị tộc có quan hệ dòng máu xa gần hợp thành một bộ lạc... Các thành viên của bộ lạc cùng nói một thổ ngữ, cùng theo một tín ngưỡng và thực hiện những nghi thức cúng lễ riêng. Bộ lạc có quyền rất lớn đối với thị tộc, như công nhận hoặc bãi miễn tù trưởng và thủ lĩnh quân sự của thị tộc.”

(Lương Ninh, Lịch sử thế giới cổ đại, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội, 2008, trang 17)

A. Thị tộc là tổ chức xã hội gồm khoảng 3-4 thế hệ có cùng huyết tộc sinh sống cùng nhau.

B. Nhiều thị tộc hợp lại thành một bộ lạc chỉ dựa trên tiêu chí sống chung trên cùng một khu vực địa lý.

C. Thị tộc có quyền rất lớn đối với bộ lạc (quyền công nhận hoặc bãi miễn tù trưởng).

D. Thành viên của cùng một bộ lạc có chung tín ngưỡng và cùng thực hiện những nghi thức cúng lễ giống nhau.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý A, B, C, D.

“Ngay từ khi thoát thai khỏi loài vượn, con người đã biết chế tạo công cụ sản xuất. Lao động bắt đầu với việc chế tạo ra công cụ. Đó là lao động sáng tạo của con người: nó khác hoàn toàn với lao động bản năng của động vật. Chính trong lao động sáng tạo, cơ thể và tư duy của con người ngày càng hoàn thiện và phát triển. Trải qua hàng triệu năm, hai chi trước của con vượn đã dần dần trở thành hai tay, trung khu ngôn ngữ hình thành ở não thùy trái... Cũng chính trong lao động, con người có nhu cầu phải trao đổi, liên kết với nhau làm nảy sinh những quan hệ giữa người với người.”

(Lương Ninh, Lịch sử thế giới cổ đại, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội, 2008, trang 13)

A. Quá trình lao động đã làm cho cơ thể và tư duy của con người ngày càng hoàn thiện.

B. Trải qua hàng triệu năm lao động, hai chi sau của con vượn đã dần biến chuyển thành hai tay của con người.

C. Trong lao động, con người có nhu cầu phải trao đổi và liên kết với nhau.

D. Con người chỉ biết chế tạo công cụ sản xuất sau khi hoàn toàn biến đổi thành người hiện đại.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý A, B, C, D.

“Do khả năng lao động của các gia đình khác nhau làm cho của cải tích lũy ngày càng nhiều trong tay một số cá nhân hay gia đình, thường là các gia đình tộc trưởng, tù trưởng hay các bộ lão, thủ lĩnh quân sự. Mặt khác, những người này lợi dụng chức phận để chiếm một phần sản phẩm xã hội chỉ cho các công việc chung. Đồng thời, họ cũng tự cho phép mình được "lĩnh" một phần nhiều hơn những người khác. Chẳng bao lâu họ trở nên giàu hơn mọi người. Dần dần, xã hội thị tộc đã bị phân hóa thành kẻ giàu người nghèo ...”

(Lương Ninh, Lịch sử thế giới cổ đại, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội, 2008, trang 30)

A. Do khả năng lao động của các gia đình khác nhau làm cho của cải tích lũy được cũng khác nhau.

B. Của cải tích lũy ngày càng nhiều trong tay đông đảo thành viên của thị tộc, bộ lạc.

C. Tộc trưởng, tù trưởng đã lợi dụng chức phận để chiếm toàn bộ sản phẩm dư thừa.

D. Quá trình phân hóa giàu nghèo diễn ra nhanh chóng, ngay khi công cụ kim loại ra đời.

Bài 3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1. Đời sống tinh thần của người nguyên thủy thể hiện qua những hoạt động nào?

Câu 2. Trong thị tộc, các thành viên có quan hệ với nhau như thế nào?

Câu 3: Hình thức tổ chức nào của Người tinh khôn được tạo thành khi nhiều Thị tộc có quan hệ gần gũi sống trên cùng một địa bàn?

Câu 4: Tên gọi người đứng đầu của tổ chức xã hội Bộ lạc là gì?

Câu 5: Sự phân hóa giàu - nghèo là biểu hiện cho sự ra đời của tổ chức xã hội nào?

Câu 6: Việc giữ lại sản phẩm dư thừa cho riêng mình là biểu hiện đầu tiên của chế độ gì?

Câu 7: Ngoài công cụ đồng, việc phát hiện ra kim loại nào đã giúp người nguyên thủy tạo ra công cụ sắc bén và bền nhất?

Câu 8. Vì sao việc phát hiện và sử dụng kim loại lại có ý nghĩa lớn đối với con người thời nguyên thủy?

Câu 9. Sự xuất hiện tư hữu dẫn đến điều gì trong xã hội nguyên thủy?

Câu 10. Vì sao nói xã hội nguyên thủy ở phương Đông phân hóa không triệt để?

II. Tự luận

Câu 1. Hãy kể tên một số loại hình nghệ thuật thời nguyên thủy. Em có ấn tượng với loại hình nghệ thuật nào nhất? Vì sao?

Câu 2. Kể tên một số vật dụng bằng kim loại hiện nay mà em biết. Từ đó, phát biểu suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc phát hiện ra kim loại vào cuối thời nguyên thủy.

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

1. Nội dung kiến thức trọng tâm

Bài 1. Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ

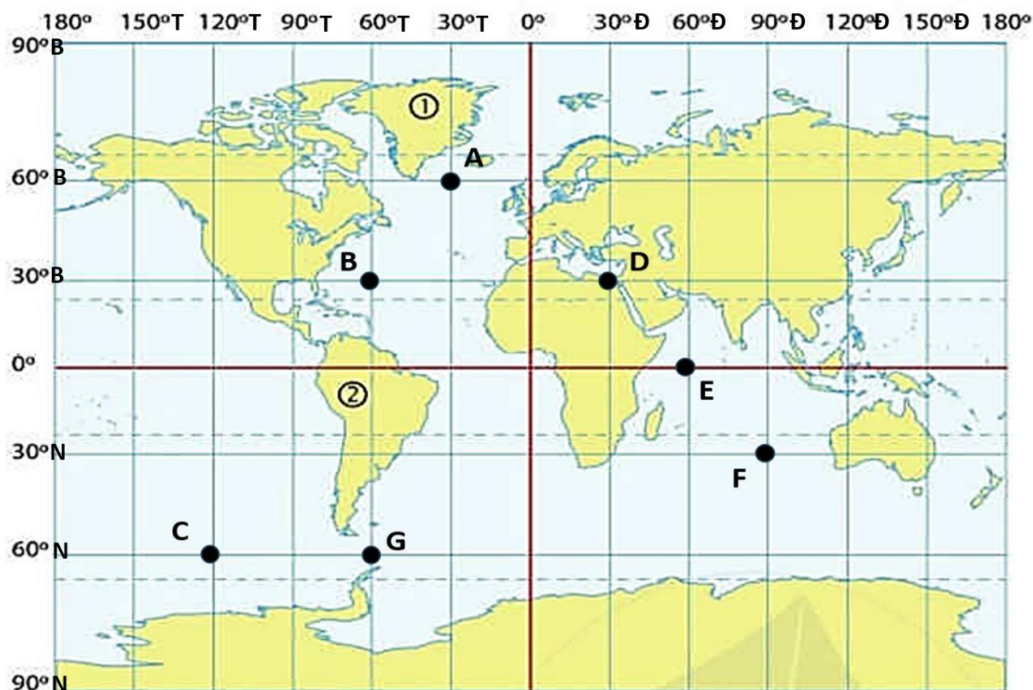
Bài 2. Các yếu tố cơ bản của bản đồ

2. Bài tập, câu hỏi tham khảo

A. Trắc nghiệm

Bài 1. Dạng câu hỏi đúng sai

Quan sát lược đồ các châu lục trên thế giới



Hình 1. Lược đồ các châu lục trên thế giới

Nhận định	Đáp án
1. Điểm C nằm hoàn toàn trên bán cầu Nam của Trái Đất	
2. Điểm F có kinh độ là 90° Tây	

3. Điểm E nằm ở nửa cầu Đông của Trái Đất	
4. Điểm A nằm ở nửa cầu Bắc của Trái Đất	
5. Vĩ độ của điểm A là 30^0 Bắc	
6. Điểm B có kinh độ là 60^0 Tây	
7. Điểm D có vĩ độ là 30^0 Nam	
8. Điểm F nằm ở nửa cầu Nam của Trái Đất	

Bài 2. Dạng câu hỏi trả lời ngắn

Câu 1. Quan sát Hình 1. Lược đồ các châu lục trên thế giới, hãy cho biết các hướng sau:

Hướng	Từ B đến D	Từ B đến G	Từ A đến B	Từ E đến D
Đáp án				

Hướng đi	Từ C đến G	Từ G đến C	Từ G đến B	Từ E đến F
Đáp án				

Bài 3. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Vĩ tuyến dài nhất là đường Xích đạo có vĩ độ là:

- A. 0^0 B. 45^0 C. 60^0 D. 90^0

Câu 2. Kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uyt ở ngoại ô thủ đô Luân-đôn của nước Anh là:

- A. kinh tuyến đông B. kinh tuyến tây C. kinh tuyến 180^0 D. kinh tuyến gốc

Câu 3. Vĩ tuyến ngắn nhất trên Trái Đất là vĩ tuyến:

- A. 0^0 B. 45^0 C. 60^0 D. 90^0

Câu 4. Các vòng tròn song song trên quả Địa cầu và vuông góc với các đường kinh tuyến được gọi là gì?

- A. Đường vĩ tuyến B. Đường kinh tuyến C. Cực Bắc D. Cực Nam

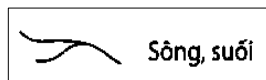
Câu 5. Kí hiệu bản đồ chia thành mấy loại?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 6. Kí hiệu bản đồ chia thành mấy dạng?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

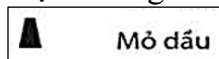
Câu 7. Cho biết kí hiệu sau



thuộc loại kí hiệu nào?

- A. Kí hiệu điểm B. Kí hiệu đường C. Kí hiệu diện tích D. Kí hiệu chữ

Câu 8. Cho biết kí hiệu sau



thuộc dạng kí hiệu nào?

- A. Kí hiệu chữ B. Kí hiệu tượng hình
C. Kí hiệu diện tích D. Kí hiệu hình học

Câu 9. Đường nối Cực Bắc với Cực Nam trên quả Địa cầu gọi là gì?

- A. Đường vĩ tuyến B. Đường kinh tuyến C. Cực Bắc D. Cực Nam

Câu 10. Yếu tố nào sau đây không phải là yếu tố cơ bản của bản đồ địa lí?

- A. Màu sắc của bản đồ B. Tỷ lệ bản đồ C. Phương hướng trên bản đồ D. Kí hiệu bản đồ.

Câu 11. Tỷ lệ bản đồ cho biết:

- A. bản đồ được thu nhỏ bao nhiêu lần so với thực tế.
B. bản đồ được phóng to bao nhiêu lần so với thực tế.
C. bản đồ thể hiện các đối tượng địa lí nào.
D. bản đồ có các loại kí hiệu và các dạng kí hiệu nào.

B. Tự luận

Câu 1. Bản đồ có tỉ lệ 1:2 000 000. Khoảng cách trên bản đồ từ thành phố Hà Nội đến Lạng Sơn là 7 cm. Hỏi khoảng cách ngoài thực tế từ Hà Nội đến Lạng Sơn là bao nhiêu km?

Câu 2. Quan sát hình 1. Lược đồ các châu lục trên thế giới, viết tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.

Chúc các con ôn tập và làm bài kiểm tra đạt kết quả cao!